

Biên Hòa, ngày 09 tháng 12 năm 2022.

Số: 2196/2022/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2825/2022/TLST – VHNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc yêu cầu “Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Ông Phạm Cao C, sinh năm 1980

Địa chỉ thường trú: Tổ 43, khu phố 6, phường H, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

+ Bà Vũ Thị P, sinh năm 1986

Địa chỉ thường trú: 51, Kinh 7B, xã Thạnh Đông A, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Cao C và bà Vũ Thị P tự nguyện kết hôn với nhau năm 2019 hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Giấy chứng nhận kết hôn số 123, ngày 25/6/2019 của Ủy ban nhân dân phường Hố Nai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

Nay ông Phạm Cao C và bà Vũ Thị P xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông, bà cùng làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân TP Biên Hòa công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 01 con chung: Cháu Phạm Ngọc Tú A, sinh ngày 26/11/2018.

Ly hôn, hai bên thỏa thuận giao cháu Phạm Ngọc Tú A cho bà Vũ Thị P trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ông Phạm Cao C cấp dưỡng nuôi

cháu Phạm Ngọc Tú A mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Phạm Ngọc Tú A đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Phạm Cao C được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Ông Phạm Cao C và bà Vũ Thị Ph xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Phạm Cao C và bà Vũ Thị Ph xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông Phạm Cao C và bà Vũ Thị P phải chịu 300.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Cao C và bà Vũ Thị P thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc Tú A, sinh ngày 26/11/2018 cho bà Vũ Thị P trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ông Phạm Cao C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Phạm Ngọc Tú A đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Phạm Cao C được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí HNGĐ-ST: Ông Phạm Cao C và bà Vũ Thị P chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP Biên Hòa, theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0004555 ngày 26/10/2022. Ông C và bà P đã nộp xong lệ phí.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP Biên Hòa (2);
- THADS TP Biên Hòa (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký KH (1);
- Lưu hồ sơ việc dân sự (1).

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Thái